

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ST  
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 150/2024/DS-ST

Ngày: 21-8-2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dur Văn Thanh.

2. Ông Hà Văn Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Ý, thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

**Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: : Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ngày 16/10/2017 ông Nguyễn Hoàng H có vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), khi vay có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay, lãi suất thỏa thuận: 20%/năm, thời hạn vay là 10 tháng.

Ông H đã trả vốn cho ông Q 70.000.000 đồng và trả lãi 40.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn là 50.000.000 đồng. Tới hạn ông Q đã trực tiếp gặp ông H và điện thoại đòi nợ nhiều lần nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Q. Tính tới ngày 15/12/2023 ông H còn nợ ông Q số tiền 50.000.000 đồng.

*Nay ông Nguyễn Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Buộc ông Nguyễn Hoàng H hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền còn thiếu là 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 20%/năm tính từ ngày 15/12/2023 cho đến khi trả hết nợ, kể cả tiền lãi trong thời gian thi hành án.

**\* Tại tòa trình đề ngày 22/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:**

Nguyên vào năm 2017 ông H và ông Đinh Thanh H cán bộ phòng truy nã tội phạm Công an tỉnh Sóc Trăng có xuống BL gặp ông Q để vay tiền, do ông H không quen biết gì với ông Q (do ông H giới thiệu) nên ông H có gọi lại thẻ ngành để làm tin. Ông Q đồng ý cho ông H vay 120 triệu đồng. Lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, chuyển khoản cho ông Q 5%/tháng còn 5% thì gọi trực tiếp cho ông H. Lúc làm biên nhận thì chỉ đề 5%, ông H đóng lãi bình thường đến đầu năm 2019 thì Cơ quan chủ quản của ông H đến hạn kiểm tra thẻ Ngành, ông H có xuống BL hỏi mượn lại nhưng ông Q không cho bắt ông H phải trả hết số tiền đã vay. Ông H kiếm được 50 triệu gọi cho ông ta và có đổi lại thẻ Đảng viên (ông H có làm biên nhận nhận lại thẻ ngành và để lại thẻ Đảng) thì ông ta mới chịu nhận. Sau này không biết tại sao ông ta làm đơn thưa ông H tại Cơ quan phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Sóc Trăng trong khi đó ông H vẫn đang đóng lãi cho ông ta hàng tháng qua chuyển khoản và gọi cho ông H (ông H là đệ ruột thu tiền cho ông Q ở ST sau này ông H nghỉ làm thì ông H bị ông Q làm đơn thưa) là ông H cầm thẻ Đảng và bắt ông H chuộc lại thẻ Đảng, Cơ quan có làm việc với ông H, yêu cầu ông H phải xử lý cho xong, ông H có chuyển khoản cho ông Q 20 triệu tiền vốn và sau đó ông H xuống BL gặp vợ ông ta tại nhà trả 50 triệu và lấy lại thẻ Đảng.

**Ý kiến của kiểm sát viên:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## **[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[1.2]** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hoàng H có địa chỉ tại thành phố ST và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn còn nợ của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ST theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2] Xét về nội dung vụ án:**

**[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, thấy rằng:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trả cho ông Q số tiền vốn vay 50.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn đã cung cấp bản chính Biên nhận vay tiền đề ngày 16/10/2017 được viết tay trên 01 mặt giấy A4 (Bút lục 13), có nội dung như sau: "*Tôi đứng tên: Nguyễn Hoàng H, SN 20.8.1977. CMND 365 710 000 CA Sóc Trăng cấp 03.09.2004 là Công An Huyện A - ST. Có vay A. Q số A, A1, F8, TP ST số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Thời gian 10 tháng trả lại đủ, lãi đóng hàng tháng vào ngày 02 – 05 hàng tháng, lãi 20%/năm. Tôi có gởi thẻ ngành công An số 487-781 tên Nguyễn Hoàng H làm tin. Tới hạn tôi không trả tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Phía dưới bên phải có ghi BL Ngày 16.10.2017. Người vay tiền có ký tên, có lãn tay và có ghi Nguyễn Hoàng H đã nhận đủ 120.000.000 đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Bên trái có ghi Hôm nay, 27/5/2018 có trả lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và mượn lại thẻ ngành sau khi đối chiếu xong sẽ trả lại (và có gởi lại 01 thẻ đảng viên, 1 sổ hộ khẩu, 1 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hoàng H), Có có ký tên, lãn tay và có ghi tên Nguyễn Hoàng H*".

Tại tờ tường trình đề ngày 22/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H cũng thừa nhận vào năm 2017 ông H và ông Đinh Thanh H cán bộ phòng truy nã tội phạm Công an tỉnh ST có xuống BL gặp ông Q để vay tiền, do ông H không quen biết gì với ông Q (do ông H giới thiệu) nên ông H có gởi lại thẻ ngành để làm tin. Ông Q đồng ý cho ông H vay 120 triệu đồng.

Xét thấy chủ thể, hình thức, nội dung của hợp đồng vay tài sản nêu trên được thực hiện đúng quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Khi xác lập giao dịch vay các bên có thỏa thuận thời hạn trả là 10 tháng, có thỏa thuận lãi suất 20%/năm nên được xác định là giao dịch vay có kỳ hạn và có lãi

theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại các tờ tường trình bị đơn ông H thừa nhận có vay số tiền 120.000.000 đồng của ông Q theo biên nhận ngày 16/10/2017 nhưng đã trả đủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có ban hành giấy triệu tập số 02, ngày 19/9/2023 để mời ông H tham gia đối chất cùng ông Q vào lúc 14 giờ ngày 03/6/2024 nhưng ông H không đến tham gia đối chất theo giấy triệu tập của Toà án, ngày 20/5/2024 Toà án ban hành Thông báo về việc cung cấp chứng cứ số 03, để thông báo đến ông H cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc ông H đã trả đủ số tiền cho ông Q và tại đơn xin tạm hoãn phiên Toà đề ngày 07/8/2024 ông H có nêu nội dung xin tạm hoãn phiên toà diễn ra vào ngày 08/8/2024 để đi thu thập tài liệu chứng cứ nhưng đến nay Toà án cũng không có nhận được bất cứ tài liệu chứng cứ nào của ông H.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Xét thấy, bản chính của biên nhận vay tiền nguyên đơn cung cấp được xem là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thừa nhận thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh, nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàng H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên thực tế giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Hoàng H có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, ông H đã nhận tiền vay của ông Q số tiền 120.000.000 đồng nhưng đến nay mới trả được số tiền vốn là 70.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay ông H còn nợ ông Q là 50.000.000 đồng.

## **[2.2] Xét về số tiền lãi:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trả lãi số tiền là 6.800.000 đồng. Cụ thể:

- Từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/8/2024 (246 ngày), mức lãi suất 1,66%/tháng.

$$50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 246 \text{ ngày} = 6.800.000 \text{ đồng.}$$

Xét thấy, kể từ khi ký biên nhận tiền vay, ông H đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng, theo biên nhận hai bên có thoả thuận lãi suất 20%/năm

nhưng đến nay ông H mới trả được số tiền vốn là 70.000.000 đồng, còn lại số tiền vốn 50.000.000 đồng chưa thực hiện xong nghĩa vụ đối với ông Q, nên tiền lãi sẽ được xác định là hợp đồng đang được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 468 “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Xét thấy, yêu cầu lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền vốn và lãi là 56.800.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 95; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 117, khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 1, 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q tổng cộng số tiền vốn và lãi là 56.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 6.800.000 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.840.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn ông Nguyễn Hoàng H còn phải trả lãi cho ông Nguyễn Văn Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phan Thanh Loan**